

TỔNG HỢP CÁC MẪU CÂU SO SÁNH TRONG TIẾNG ANH

So sánh là một phần ngữ pháp được sử dụng rất phổ biến và quan trọng trong tiếng Anh. Trong tiếng Anh giao tiếp hàng ngày cũng như trong các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế (IELTS, TOEFL, TOEIC), các dạng câu so sánh được sử dụng rất nhiều và là tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực ngôn ngữ của học viên.

1. SO SÁNH HƠN (COMPARATIVE)

Dạng so sánh này được sử dụng để so sánh giữa hai đối tượng (người, vật, hiện tượng) với nhau về một đặc điểm nào đó.

CÔNG THỨC TÍNH TỪ / TRẠNG TỪ NGẮN:

S + V + Adj/Adv-er + than + Noun/Pronoun

CÔNG THỨC TÍNH TỪ / TRẠNG TỪ DÀI:

S + V + more + Adj/Adv + than + Noun/Pronoun

Ví dụ minh họa:

- Nam's ruler is **longer than** mine. (Thước kẻ của Nam dài hơn thước kẻ của tôi.)
- Nga is **more beautiful than** Hong. (Nga xinh đẹp hơn Hồng.)

2. SO SÁNH CAO NHẤT (SUPERLATIVE)

Dạng so sánh này được sử dụng khi so sánh một đối tượng với tất cả các đối tượng còn lại trong cùng một nhóm (từ ba đối tượng trở lên).

CÔNG THỨC TÍNH TỪ / TRẠNG TỪ NGẮN:

S + V + the + Adj/Adv-est + (Noun) + (in/of...)

CÔNG THỨC TÍNH TỪ / TRẠNG TỪ DÀI:

S + V + the + most + Adj/Adv + (Noun) + (in/of...)

Ví dụ minh họa:

- This is **the longest** river in the world. (Đây là con sông dài nhất trên thế giới.)
- She is **the most beautiful** girl in my class. (Cô ấy là cô gái xinh đẹp nhất trong lớp tôi.)

3. SO SÁNH NGANG BẰNG VÀ KHÔNG BẰNG

Dạng câu này dùng để so sánh tính chất, đặc điểm giữa hai đối tượng xem chúng có tương đương nhau hay không.

3.1. So sánh ngang bằng

Đặt tính từ hoặc trạng từ ở giữa cặp liên từ **as...as**.

CÔNG THỨC:

S + V + as + Adj/Adv + as + Noun/Pronoun

Ví dụ minh họa:

- Lan is 16. I'm 16, too. → Lan is **as young as** I (am). (Lan bằng tuổi tôi.)

3.2. So sánh không bằng (Phủ định)

Trong câu phủ định hoặc nghi vấn, từ **as** thứ nhất có thể được thay thế bằng từ **so** để nhấn mạnh.

CÔNG THỨC:

S + V + not + so/as + Adj/Adv + as + Noun/Pronoun

Ví dụ minh họa:

- Quang is 1.7 metres tall. Hung is 1.6 metres tall. → Hung is **not so tall as** Quang. (Hùng không cao bằng Quang.)

4. SO SÁNH KÉP (DOUBLE COMPARATIVE)

So sánh kép được dùng để diễn tả mối quan hệ nhân quả hoặc sự phát triển lũy tiến của một tính chất theo thời gian.

4.1. Cùng một tính từ/trạng từ (Ngày càng...)

Diễn tả một tính chất ngày càng tăng tiến hoặc giảm đi.

Tính từ / Trạng từ ngắn:

S + V + Adj/Adv-er + and + Adj/Adv-er

- *The weather gets **colder and colder**. (Thời tiết ngày càng trở nên lạnh hơn.)*

Tính từ / Trạng từ dài:

S + V + more and more + Long Adj/Adv

- *His daughter becomes **more and more intelligent**. (Con gái ông ấy ngày càng thông minh.)*

4.2. So sánh hai tính từ khác nhau (Càng... thì càng...)

Diễn tả mối quan hệ song song, khi một sự vật thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của sự vật khác.

CÔNG THỨC:

The + Comparative + S + V, the + Comparative + S + V

Ghi chú: *The + Comparative* chính là cụm *The + tính từ/trạng từ ở dạng so sánh hơn* (ví dụ: *the richer, the more beautiful, the more selfish...*).

Ví dụ minh họa:

- ***The richer she is, the more selfish she becomes.** (Cô ấy càng giàu, cô ấy càng trở nên ích kỷ.)*

5. SO SÁNH DANH TỪ VÀ CÁC CẤU TRÚC ĐẶC BIỆT KHÁC

5.1. So sánh bằng với danh từ (The same as)

Dùng để diễn tả sự giống nhau hoàn toàn hoặc tương đương về một mặt cụ thể (chiều cao, cân nặng, kích thước...).

CÔNG THỨC:

S + V + the same + (Noun) + as + Noun/Pronoun

Ví dụ minh họa:

- *My house is **the same height as** his. (Nhà của tôi có cùng chiều cao với nhà của anh ấy.)*

5.2. Cấu trúc với "Different from" và "Similar to"

Đây là các cấu trúc đi kèm tính từ để so sánh sự khác biệt hoặc sự tương đồng giữa hai thực thể.

CÔNG THỨC:

S + V + Adj (different from / similar to) + Object

Ví dụ minh họa:

- *The result was **different from** what I had expected. (Kết quả này khác so với những gì tôi từng kỳ vọng.)*
- *Her bicycle looks **similar to** mine. (Chiếc xe đạp của cô ấy trông tương tự như chiếc của tôi.)*